

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS-PT

Ngày: 02 - 8 - 2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa
- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 226/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: số A, khu vực B, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số A, khu vực B, phường M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thu L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày: Ngày 14/02/2015 (âm lịch) bà có cho bà Nguyễn Thị Thu L vay số tiền 70.000.000 đồng (có làm biên nhận nợ); Thỏa thuận lãi suất một triệu đồng tiền vốn/tháng là 60.000 đồng tiền lãi; Thời hạn vay 01 tháng. Khi vay bà L có thể chấp cho bà một giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất bản chính tên Đỗ Thanh T và Lý Thị Ngọc B. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà L đã trả được 03 tháng tiền lãi mỗi tháng 4.200.000 đồng tương đương 12.600.000 đồng, chưa trả vốn. Sau khi bà L trả được 03 tháng tiền lãi thì không còn khả năng trả tiền nữa nên yêu cầu bàn giao phần đất thế chấp cho bà sang tên, nhưng bà không gặp mặt được người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nên không sang tên được. Vì vậy, nay bà yêu cầu bà L trả cho bà tiền vốn 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Sau khi nhận đủ tiền thì bà thống nhất giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L (bản gốc), không chấp nhận việc sang tên nữa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 14/02/2015 (âm lịch) bà có vay của bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà đã trả cho bà M được 4 tháng là 16.800.000 đồng, sau đó không còn khả năng trả. Bà yêu cầu bà M sang tên phần đất thế chấp để trừ ngang phần tiền nợ. Ban đầu bà M đồng ý nhưng sau đó không sang tên được nhưng bà M vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu bà M tiếp tục sang tên đất để trừ nợ, không chấp nhận trả tiền như yêu cầu của bà M.

Tại bản án sơ thẩm số 226/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán tiếp cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền vay vốn là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị Xuân M có trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02345 ngày 27/6/2011 (bản gốc) tên Đỗ Thanh T, Lý Thị Ngọc B mà bà M đang giữ cho bà Nguyễn Thị Thu L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L có đơn kháng cáo yêu cầu với nội dung: Không đồng ý việc buộc bà phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 70.000.000 đồng; xin miễn giảm một phần án phí.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L có đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Bà M yêu cầu bà L trả số tiền đã vay là 70.000.000 đồng và có cung cấp 01 biên nhận bằng giấy viết tay. Trong quá trình giải quyết, bà L thừa nhận có vay tiền và hiện còn nợ của bà M số tiền 70.000.000 đồng (tại bút lục 12, 44). Do đó, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà L không đồng ý trả mà yêu cầu tiếp tục sang tên quyền sử dụng đất đã thế chấp để trừ nợ.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp và chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Các bên đương sự đều thừa nhận bà M có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà B để thế chấp; Tuy nhiên, giữa các bên không lập hợp đồng thế chấp, không có công chứng, chứng thực theo quy định. Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ý kiến hay chữ ký của chủ sử dụng đất là ông T, bà B. Vì vậy, việc thế chấp là không đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định theo khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 nên không có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Trong quá trình giải quyết, bà L cho rằng bà M chuyển nhượng phần đất để trừ nợ nêu trên nhưng bà M không đồng ý tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng. Hơn nữa, phần đất tranh chấp vẫn do ông T đang quản lý sử dụng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được xác lập và cũng chưa được thực hiện trên thực tế. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà M sang tên đất thế chấp để trừ khoản nợ vay như yêu cầu của bà L là có căn cứ.

[3] Về án phí: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L có làm đơn xin miễn giảm án phí ngày 18/12/2017 và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V xác nhận bà L có hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn (tại bút lục 57). Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì trường hợp của bà L không đủ điều kiện để được miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm, vì bản thân bà L không thuộc trường hợp bất khả kháng không đủ tài sản để nộp tiền án phí.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thu L không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có cơ sở. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 226/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán tiếp cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền vay vốn là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị Xuân M có trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02345 ngày 27/6/2011 (bản gốc) tên Đỗ Thanh T, Lý Thị Ngọc B mà bà M đang giữ cho bà Nguyễn Thị Thu L.

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Xuân M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012405 ngày 03/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012681 ngày 20/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 02/8/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND Tp. V;
- Chi cục THADS Tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh

